Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN 1

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ- HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ chương (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung nếu có			Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung nếu có			Dự kiến kế hoạch vốn 2026-2030	Trong đó			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)			NS tỉnh bổ sung CMT	Thu tiền đất được để lại	Vốn khác	
				Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP		Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP					
	Tổng số						**268,328**	**268,328**	**253,891**	**130,129**	**120,250**	**3,512**	**-**
I	**Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025**			-			**18,111**	**18,111**	**3,674**	**1,904**	**1,770**	-	-
1	Cải tạo sân vườn trường tiểu học Kim Tân	2024-2024				Số 11/QĐ-UBND; 21/2/2022	575	575	31	31			
2	Trường Tiểu học Kim Tân; Hạng mục: Nhà đa năng	2022-2023				Số 37/QĐ-UBND; 31/5/2022	4,615	4,615	19	19			
3	NLH 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân	2019-2019				Số 45/QĐ-UBND; 5/7/2022	11,807	11,807	3,610	1,840	1,770		
4	Xây mới cổng nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	2019-2020				Số 41b QĐ/UBND; 26/6/2018	1,115	1,115	14	14			
II	**Dự án chuyển tiếp từ năm 2025 sang giai đoạn 2026-2030**			**20,250**	**20,250**		**18,110**	**18,110**	**18,110**	**12,074**	**5,085**	**950**	**-**
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh	2025-2026	Số 460/QĐ-UBND; 20/8/2025	11,500	11,500	Số 769/QĐ-UBND; 17/11/2025; Số 917/QĐ-UBND ngày 19/12/2025; Số 760/QĐ-UBND ngày 4/6/2026	10,207	10,207	10,207	6,200	3,407	600	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 459/QĐ-UBND; 20/8/2025	3,500	3,500	Số 768/QĐ-UBND; 17/12/2025; Số 915/QĐ-UBND; 19/12/2025	2,755	2,755	2,755	1,405	1,000	350	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 458/QĐ-UBND; 20/8/2025	4,100	4,100	Số 753/QĐ-UBND; 17/12/2025; Số 914/QĐ-UBND; 19/12/2025	4,008	4,008	4,008	3,330	678		
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 457/QĐ-UBND; 20/8/2025	950	950	Số 752/QĐ-UBND; 17/11/2025; Số 912/QĐ-UBND; 19/12/2025	941	941	941	941	-		
5	XD hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 01 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 108/QĐ-UBND; 09/12/2024	200	200	Số 916/QĐ-UBND; 19/12/2025; Số 916/QĐ-UBND; 19/12/2025	199	199	199	199	-		
III	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**			**237,056**	**237,056**	**-**	**232,107**	**232,107**	**232,107**	**116,151**	**113,395**	**2,562**	**-**
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thiên Xuân (đoạn từ TL 390E đến Chùa Tân đồng)	2026-2027	Số 864/QĐ-UBND; 11/12/2025	26,390	26,390	số 837/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	26,390	26,390	26,390	16,182	10,208		

2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Hải Ninh (Đoạn từ TL390E đến xóm 1 và xóm 2)	2026-2027	Số 865/QĐ-UBND; 11/12/2025	11,281	11,281		11,281	11,281	11,281	6,500	3,881	900.00	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phù Tải 1 (đoạn từ QL17B đến ngã tư TL 390E).	2026-2027	Số 866/QĐ-UBND ngày 11/12/2025; số 566/QĐ-UBND ngày 07/4/2025	9,441	9,441		9,441	9,441	9,441	6,000	3,241	200	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chuẩn Thừng (Đoạn từ QL17B đến chùa Chuẩn Thừng)	2026-2026	Số 245/QĐ-UBND ngày 11/02/2026; 647/QĐ-UBND ngày 01/5/2025	13,403	13,403	Số 398/QĐ-UBND ngày 5/3/2026; số 836/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	13,403	13,403	13,403	3,446	9,757	200	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chuẩn Thừng (Đoạn từ cổng làng văn hóa thôn Chuẩn Thừng tới nhà ông Duy)	2026-2026	Số 250/QĐ-UBND; 11/02/2026	4,651	4,651	Số 391/QĐ-UBND; 2/3/2026	2,423	2,423	2,423	2,423	-		
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Dưỡng Mông (đoạn từ QL17B đến Trục Đông Tây)	2026-2026	Số 249/QĐ-UBND; 11/02/2026	5,959	5,959	Số 392/QĐ-UBND; 5/3/2026	5,959	5,959	5,959	3,400	2,559		
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Dưỡng Mông (Đoạn từ cổng làng Dưỡng Mông đến ngã tư tuyến kết nối trục Đông Tây	2026-2026	Số 52/QĐ-UBND; 15/01/2026	8,467	8,467	Số 397/QĐ-UBND; 3/3/2026	8,467	8,467	8,467	7,576	891		
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phù Tải 2 (Đoạn từ cổng làng văn hóa đến ngã tư hết điểm dân cư)	2027-2028		10,500	10,500		10,500	10,500	10,500	3,150	7,350		
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Bằng Lai (đoạn từ QL17B đến Trục Đông Tây)	2028-2029	Số 895/QĐ-UBND; 16/12/2025	12,800	12,800		12,800	12,800	12,800	3,000	9,800		
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Quảng Đạt (đoạn từ Trục Đông Tây đến Bà Khích)	2028-2029	Số 896/QĐ-UBND; 16/12/2025	8,160	8,160		8,160	8,160	8,160	5,000	3,160		
11	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học Kim Đính	2026-2027	Số 251/QĐ-UBND; 11/02/2026	18,291	18,291	Số 380/QĐ-UBND; 27/2/2026	16,601	16,601	16,601	7,800	7,539	1,262	
12	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng THCS Kim Tân	2026-2027	Số 883/QĐ-UBND; 12/12/2025	14,500	14,500	ố 945 /QĐ-UBND; 08/7/2026,	13,723	13,723	13,723	2,100	11,623		
13	Cải tạo sửa chữa các phòng học, xây mới nhà đa năng trường THCS Ngũ phúc	2029-2030	Số 867/QĐ-UBND; 11/12/2025	13,396	13,396		13,396	13,396	13,396	9,323	4,073		
14	Nhà đa năng trường THCS Kim Đính	2029-2030	Số 869/QĐ-UBND; 11/12/2025	5,200	5,200		5,200	5,200	5,200	3,000	2,200		
15	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Đính	2029-2030	Số 874/QĐ-UBND; 12/12/2025	14,500	14,500		14,500	14,500	14,500	7,000	7,500		
16	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học Kim Tân	2028-2029	Số 883/QĐ-UBND ngày 12/12/2025, 591/QĐ-UBND ngày 15/4/20265	14,500	14,500	Số 883/QĐ-UBND ngày 12/12/2025, 591/QĐ-UBND ngày 15/4/20265	14,500	14,500	14,500	7,000	7,500		
17	Nhà đa năng trường tiểu học Ngũ Phúc	2028-2029	Số 875/QĐ-UBND; 12/12/2025	5,200	5,200		5,200	5,200	5,200	3,000	2,200		

18	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ Kim Đính	2026-2027	Số 27/QĐ-UBND; 13/02/2026	4,274	4,274	Số 409/QĐ-UBND; 9/3/2026	4,274	4,274	4,274	2,974	1,300		
19	Cải tạo, nâng cấp điểm tập kết rác thôn Bằng Lai	2026-2026	Số 246/QĐ-UBND; 11/02/2026	1,600	1,600	Số 389/QĐ-UBND; 2/3/2026	1,509	1,509	1,509	1,509	-		
20	Cải tạo, nâng cấp điểm tập kết rác thôn Viên Chử	2026-2026	Số 247/QĐ-UBND; 11/02/2026	1,303	1,303	Số 390/QĐ-UBND; 2/3/2026	1,142	1,142	1,142	1,142	-		
21	Hệ thống camera giám sát an ninh	2028-2029	Số 876/QĐ-UBND; 12/12/2025	4,000	4,000		4,000	4,000	4,000		4,000		
22	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng nhà văn hóa và sân vận động trung tâm xã	2029-2030	Số 877/QĐ-UBND; 12/12/2025	1,500	1,500		1,500	1,500	1,500		1,500		
23	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quảng Đạt	2027-2028		4,200	4,200		4,200	4,200	4,200	2,500	1,700		
24	Xây dựng nhà văn hóa thôn Viên Chử	2027-2028		4,200	4,200		4,200	4,200	4,200	2,500	1,700		
25	Xây dựng nhà văn hóa thôn Dưỡng Mông	2027-2028		4,200	4,200		4,200	4,200	4,200	2,500	1,700		
26	Xây dựng Trạm y tế xã An Thành	2028-2029	Số 894/QĐ-UBND; 16/12/2025	13,000	13,000		13,000	13,000	13,000	6,000	7,000		
27	Cải tạo sửa chữa lán nhà xe, bờ bao trụ sở Ban Chỉ huy quân sự tại thôn Dưỡng Mông	2026-2026	Số 745/QĐ-UBND; 9/6/2026	671	671		671	671	671	371	300		
28	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Hải Ninh	2026-2027		1,469	1,469	Số 944/QĐ-UBND, 8/7/2026; 1252/QĐ-UBND, 6/10/20206	1,469	1,469	1,469	756	713		

Phụ lục 01

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ- HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Thành))

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ chương (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung nếu có			Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung nếu có			Dự kiến kế hoạch vốn 2026-2030 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)			
				Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP		Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP		
	Tổng số						**124,491**	**124,491**	**115,194**	
I	**Bổ sung 02 dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025**					**-**	**12,922**	**12,922**	**3,624**	
1	NLH 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân	2019-2019	Số 45/QĐ-UBND; 5/7/2022	11,807	11,807	-	11,807	11,807	3,610	
2	Xây mới cổng nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	2019-2020	Số 41b QĐ/UBND; 26/6/2018	1,115	1,115	-	1,115	1,115	14	
II	**Bổ sung 15 dự án khởi công mới giai đoạn trung hạn 2026-2030**			**113,798**	**113,798**	**-**	**111,570**	**111,570**	**111,570**	**-**
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Hải Ninh (Đoạn từ TL390E đến xóm 1 và xóm 2)	2026-2027	Số 865/QĐ-UBND; 11/12/2025	11,281	11,281		11,281	11,281	11,281	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chuẩn Thừng (Đoạn từ QL17B đến chùa Chuẩn Thừng)	2026-2026	Số 245/QĐ-UBND ngày 11/02/2026; 647/QĐ-UBND ngày 01/5/2025	13,403	13,403	Số 398/QĐ-UBND ngày 5/3/2026; số 836/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	13,403	13,403	13,403	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chuẩn Thừng (Đoạn từ cổng làng văn hóa thôn Chuẩn Thừng tới nhà ông Duy)	2026-2026	Số 250/QĐ-UBND; 11/02/2026	4,651	4,651	Số 391/QĐ-UBND; 2/3/2026	2,423	2,423	2,423	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Dưỡng Mông (Đoạn từ cổng làng Dưỡng Mông đến ngã tư tuyến kết nối trục Đông Tây	2026-2026	Số 52/QĐ-UBND; 15/01/2026	8,467	8,467	Số 397/QĐ-UBND; 3/3/2026	8,467	8,467	8,467	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phù Tải 2 (Đoạn từ cổng làng văn hóa đến ngã tư hết điểm dân cư)	2027-2028		10,500	10,500		10,500	10,500	10,500	
6	Cải tạo sửa chữa các phòng học, xây mới nhà đa năng trường THCS Ngũ phúc	2029-2030	Số 867/QĐ-UBND; 11/12/2025	11,357	11,357		11,357	11,357	11,357	
7	Nhà đa năng trường THCS Kim Đính	2029-2030	Số 869/QĐ-UBND; 11/12/2025	5,200	5,200		5,200	5,200	5,200	
8	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Đính	2029-2030	Số 874/QĐ-UBND; 12/12/2025	14,500	14,500		14,500	14,500	14,500	
9	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học Kim Tân	2027-2028	Số 883/QĐ-UBND ngày 12/12/2025, 591/QĐ-UBND ngày 15/4/20265	14,500	14,500	Số 883/QĐ-UBND ngày 12/12/2025, 591/QĐ-UBND ngày 15/4/20265	14,500	14,500	14,500	
10	Nhà đa năng trường tiểu học Ngũ Phúc	2027-2028	Số 875/QĐ-UBND; 12/12/2025	5,200	5,200		5,200	5,200	5,200	
11	Cải tạo sửa chữa lán nhà xe, bờ bao trụ sở Ban Chỉ huy quân sự tại thôn Dưỡng Mông	2026-2026		671	671	Số 745/QĐ-UBND; 9/6/2026	671	671	671	

12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới thôn Hải Ninh	2026-2027		1,469	1,469	Số 944/QĐ-UBND, 8/7/2026; 1252/QĐ-UBND,	1,469	1,469	1,469	
13	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quảng Đạt	2027-2028		4,200	4,200		4,200	4,200	4,200	
14	Xây dựng nhà văn hóa thôn Viên Chử	2027-2028		4,200	4,200		4,200	4,200	4,200	
15	Xây dựng nhà văn hóa thôn Dưỡng Mông	2027-2028		4,200	4,200		4,200	4,200	4,200	

Phụ lục 02

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH LÀM THAY ĐỔI KINH PHÍ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ- HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ chương lần đầu			*Điều chỉnh tăng, giảm*	Quyết định chủ chương sau điều chỉnh			Quyết định đầu tư lần đầu			*Điều chỉnh tăng, giảm*	Quyết định đầu tư sau điều chỉnh		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)	
				Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP			Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP		Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP			Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP
	Tổng số			**50,850**	**50,850**	***14,535***	**-**	**65,385**	**65,385**	**-**	**50,391**	**50,391**	***10,134***	**-**	**60,525**	**60,525**
I	**Dự án chuyển tiếp từ năm 2025 sang giai đoạn 2026-2030**			**20,250**	**20,250**	**-**	**-**	**20,250**	**20,250**	**-**	**19,791**	**19,791**	***(1,681)***	**-**	**18,110**	**18,110**
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh	2025-2026	Số 460/QĐ-UBND; 20/8/2025	11,500	11,500			11,500	11,500	Số 769/QĐ-UBND; 17/12/2025	11,474	11,474	*(1,267)*	Số 917/QĐ-UBND ngày 19/12/2025; Số 760/QĐ-UBND ngày 4/6/2026	10,207	10,207
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 459/QĐ-UBND; 20/8/2025	3,500	3,500			3,500	3,500	Số 768/QĐ-UBND; 17/12/2025	3,460	3,460	*(705)*	Số 915/QĐ-UBND; 19/12/2025	2,755	2,755
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 458/QĐ-UBND; 20/8/2025	4,100	4,100			4,100	4,100	Số 753/QĐ-UBND; 17/12/2025	4,055	4,055	*(47)*	Số 914/QĐ-UBND; 19/12/2025	4,008	4,008
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 457/QĐ-UBND; 20/8/2025	950	950			950	950	Số 752/QĐ-UBND; 17/11/2025	603	603	*338*	Số 912/QĐ-UBND; 19/12/2025	941	941
5	XD hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 01 thôn Viên Chử	2025-2026	Số 108/QĐ-UBND; 09/12/2024	200	200			200	200	Số 916/QĐ-UBND; 19/12/2025	199	199	-	Số 916/QĐ-UBND; 19/12/2025	199	199
II	**Dự án khởi công mới giai đoạn trung hạn 2026-2030**			**30,600**	**30,600**	***14,535***	**-**	**45,135**	**45,135**	**-**	**30,600**	**30,600**	***11,815***	**-**	**42,415**	**42,415**
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phù Tải 1 (Đoạn từ QL17B đến ngã tư TL 390E)	2026-2027	Số 866/QĐ-UBND ngày 11/12/2025; số 566/QĐ-UBND ngày 07/4/2025	5,000	5,000	*4,441*		9,441	9,441		5,000	5,000	*4,441*		9,441	9,441
2	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học Kim Đính	2026-2027	Số 874/QĐ-UBND; 12/12/2025	10,300	10,300	*7,991*		18,291	18,291	Số 380/QĐ-UBND; 27/2/2026	10,300	10,300	*6,301*		16,601	16,601
3	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân	2026-2027	Số 883/QĐ-UBND ngày 12/12/2025, 591/QĐ-UBND ngày 15/4/20265	12,700	12,700	*1,800*		14,500	14,500	ố 945 /QĐ-UBND; 08/7/2026,	12,700	12,700	*1,023*		13,723	13,723
4	Cải tạo, nâng cấp điểm tập kết rác thôn Bằng Lai	2026-2026	Số 246/QĐ-UBND; 11/02/2026	1,300	1,300	*300*		1,600	1,600		1,300	1,300	*209*		1,509	1,509
5	Cải tạo, nâng cấp điểm tập kết rác thôn Viên Chử	2026-2027	Số 247/QĐ-UBND; 11/02/2026	1,300	1,300	*3*		1,303	1,303		1,300	1,300	*(158)*		1,142	1,142

Phụ lục 03

DANH MỤC DỰ ÁN GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ- HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ chương (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung nếu có			Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung nếu có			Vốn theo NQ 17/NQ-HĐND ngày 18/12/2025	Tăng/ giảm	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)					
				Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP		Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP				
	Tổng số		-		-	-	**190,265**	**190,265**	**155,013**	**151,998**	**51**	-
I	**Các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025**						**41,785**	**41,785**	**6,533**	**3,518**	**51**	-
1	Cải tạo sân vườn trường tiểu học Kim Tân	2024-2024				Số 11/QĐ-UBND;	575	575	37	(6)	31	
2	Trưởng Tiểu học Kim Tân; Hạng mục: Nhà đa năng	2022-2023					4,615	4,615	244	(225)	19	
3	Cải tạo nhà 1 tầng 4 phòng trường Mầm non Kim Tân	2019-2019					834	834	132	132	0	
4	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Hải Ninh	2019-2019					293	293	51	51	0	
5	Cải tạo nhà văn hóa thôn Viên Chử; Hạng mục: tôn nền sân, nhà để xe, nhà văn hóa, cổng tường rào, nhà vệ sinh	2019-2019					464	464	66	66	0	
6	Cải tạo , sửa chữa hội trường trung tâm xã Kim tân cũ	2019-2019					819	819	119	119	0	
7	Nhà nhạc họa và lán tôn trường Mầm non Kim Tân	2019-2019					270	270	45	45	0	
8	Sửa chữa, cải tạo cổng hàng rào, rãnh thoát nước UBND xã Kim Tân (cũ)	2019-2019					884	884	133	133	0	
9	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Kim Tân (cũ)	2020-2020					459	459	69	69	0	
10	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018					1,008	1,008	54	54	0	
11	San lấp và xây mới cổng, hàng rào nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018					732	732	218	218	0	
12	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân; Hạng mục: Sân vườn kỳ đài, nhà bia, cột cờ, mộ liệt sỹ	2020-2021					4,623	4,623	59	59	0	
13	Trưởng Tiểu học Kim Tân; Hạng mục: Nhà đa năng	2022-2023					4,371	4,371	244	244	0	
14	Trụ sở công an xã Kim Đính cũ	2023-2024					6,118	6,118	22	22	0	

15	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiên Đông	2024-2025					1,626	1,626	214	214	0	
16	Xây dựng tuyến đường trục xã (Từ QL 17B đến ngã tư đội 18)	2024-2025					4,918	4,918	985	985	0	
17	Đường giao thông nội đồng Sông Mới	2024-2025					990	990	44	44	0	
18	NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đính	2024-2025					7,919	7,919	3,530	1,026	0	
19	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới thôn Hải Ninh	2024-2025					267	267	267	267	0	
II	**Các dự án khởi công mới giảm khối kế hoạch trung hạn 2026-2030**			**135,961**	**-**	**-**	**135,961**	**135,961**	**135,961**	**135,961**	**0**	**-**
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Hải Ninh (Điểm đầu từ Chùa Diên Khánh; điểm cuối TL390E hết dân cư)	Hải Ninh	2026-2027	9,600			9,600	9,600	9,600	9,600	0	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chuẩn Thừng (đoạn từ Đê Chuẩn Thừng đến QL17B)	Chuẩn Thừng	2026-2027	11,000			11,000	11,000	11,000	11,000	0	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Dưỡng Mông (đoạn từ Cổng làng Dưỡng Mông đến Đường huyện cũ)	Dưỡng Mông	2026-2027	5,000			5,000	5,000	5,000	5,000	0	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn (Điểm đầu từ QL17B; điểm cuối Giáp Kim Xuyên cũ)	Bằng Lai - Ngũ Phúc	2027-2028	15,000			15,000	15,000	15,000	15,000	0	
5	Xây mới nhà đa năng, phòng học bộ môn, phòng chức năng trường THCS Ngũ phúc	Băng lai	2027-2028	14,500			14,500	14,500	14,500	14,500	0	
6	Xây mới nhà đa năng, phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà hiệu bộ trường THCS Kim Đính	Phù Tải 2	2027-2028	18,700			18,700	18,700	18,700	18,700	0	
7	Xây mới phòng học bộ môn, phòng chức năng trường Tiểu học Kim Tân	Xã An Thành	2027-2028	9,081			9,081	9,081	9,081	9,081	0	
8	Xây dựng trụ sở Nhà làm việc của Đảng ủy-HĐND-UBND -UBMTTQ xã An Thành	Phù Tải 2	2026-2027	29,861			29,861	29,861	29,861	29,861	0	
9	Nâng cấp, cải tạo và xây mới các nhà văn hóa 9 thôn xã An Thành	Xã An Thành	2028-2030	22,500			22,500	22,500	22,500	22,500	0	
10	Nâng cấp, cải tạo các tuyến mương nội đồng	Xã An Thành	2029-2030	719			719	719	719	719	0	
III	**Tiết kiệm 5% theo chỉ đạo của trung ương**	Xã An Thành					**12,519**	**12,519**	**12,519**	**12,519**	**0**	

	***Nhóm công trình phát sinh mới qua rà soát đối chiếu**								**-**	**3,624**	**3,624**	
3	NLH 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân	2019-2019				Số 45/QĐ-UBND; 5/7/2022	11,807	11,807	-	3,610	3,610	
4	Xây mới cổng nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	2019-2020				Số 416 QĐ/UBND; 26/6/2018	1,115	1,115	-	14	14	



